

Số:

Gia Nghĩa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các trường học công lập trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2023-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2023;

Công văn số 458/TCKH ngày 25/10/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố về ý kiến việc giao quyền tự chủ đối với các trường học công lập trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025; Báo cáo số 96/BC-TCKH ngày 01/12/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố về việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định về việc giao quyền tự chủ đối với các trường học công lập trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 343/TTr-GDDT ngày 05/12/2023 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các trường học công lập trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị trường học công lập trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2023-2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các đơn vị trường học có tên tại Điều 1 được phân loại là đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4). Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định của các đơn vị chi tiết theo danh sách đính kèm.

Điều 3.

1. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị trường học có trách nhiệm tổ

chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định.

2. Trong thời kỳ ổn định tài chính, trường hợp có thay đổi chính sách, chế độ hoặc do trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh dẫn đến biến động lớn về nguồn thu hoặc nhiệm vụ chi, phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng lại phương án tự chủ về tài chính, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt lại phương án tự chủ cho thời gian còn lại của thời kỳ ổn định.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý đối với các nội dung tham mưu tại Tờ trình số 343/TTr-GDDT ngày 05/12/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Công văn số 458/TCKH ngày 25/10/2023 và Báo cáo số 96/BC-TCKH ngày 01/12/2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa về việc phân loại và giao cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2023-2025.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố và Thủ trưởng các đơn vị trường học có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Thành ủy (b/c);
- TT. HĐND thành phố (b/c);
- CT, PCT UBND thành phố;
- KBNN Đắk Nông;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Đỗ Tấn Sương

**DANH SÁCH GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CHO CÁC TRƯỜNG HỌC CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA GIAI ĐOẠN 2023-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa)

| STT | Tên đơn vị | Phân loại đơn vị sự nghiệp | Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) | Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (VNĐ) |
|------------|---------------------------|---|--|--|
| 1 | Trường MN Sơn Ca | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,75 | 2.634.630.000 |
| 2 | Trường MN Tân Lập Thành | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,30 | 1.597.360.000 |
| 3 | Trường MN Hoa Bưởi | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,14 | 3.490.533.000 |
| 4 | Trường MN Hoa Cúc | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,26 | 1.531.440.000 |
| 5 | Trường MN Hoa Hồng | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,53 | 2.239.410.000 |
| 6 | Trường MN Hoa Hướng Dương | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,09 | 982.290.000 |
| 7 | Trường MN Hoa Lan | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,96 | 2.395.730.000 |
| 8 | Trường MN Hoạ Mi | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,01 | 2.982.080.000 |
| 9 | Trường MN Hoa Phượng Vàng | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,99 | 4.824.124.000 |

| | | | | |
|----|--------------------------------|---|------|---------------|
| 10 | Trường MN Hoa Sen | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,80 | 2.179.165.000 |
| 11 | Trường MN Hoa Anh Đào | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,38 | 1.279.940.000 |
| 12 | Trường TH Võ Thị Sáu | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 6.266.370.000 |
| 13 | Trường TH Phan Chu Trinh | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 3.449.880.000 |
| 14 | Trường TH Lê Hồng Phong | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 4.968.540.000 |
| 15 | Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 7.773.080.000 |
| 16 | Trường TH Nguyễn Bá Ngọc | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 5.066.750.000 |
| 17 | Trường TH N' Trang Long | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 1.695.750.000 |
| 18 | Trường TH Trần Quốc Toản | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 2.923.380.000 |
| 19 | Trường TH Nguyễn Viết Xuân | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 3.572.490.000 |
| 20 | Trường TH Tô Hiệu | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 3.033.780.000 |
| 21 | Trường TH Thăng Long | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 5.318.700.000 |
| 22 | Trường TH Hà Huy Tập | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | | 3.488.400.000 |
| 23 | Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 4,94 | 9.074.058.000 |

| | | | | |
|----------------|-------------------------------|---|------|------------------------|
| 24 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 5,33 | 7.776.855.000 |
| 25 | Trường THCS Trần Phú | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 4,02 | 5.275.519.000 |
| 26 | Trường THCS Phan Bội Châu | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,25 | 3.282.710.000 |
| 27 | Trường THCS Nguyễn Chí Thanh | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 2,97 | 2.722.611.000 |
| 28 | Trường TH&THCS Bé Văn Đàn | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,28 | 3.083.555.000 |
| 29 | Trường TH&THCS Trần Văn Ôn | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,34 | 4.614.978.000 |
| 30 | Trường TH&THCS Phan Đình Giót | Đơn vị do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | 1,48 | 4.325.580.000 |
| Tổng số | | | | 113.849.688.000 |